

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 122/2023/DS-PT

Ngày 28- 7- 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A đường Chùa Ô, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A1 đường Rạch Ô1, Khóm B, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3. Ông Thái Văn D, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số A2, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

4. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số A, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

5. Ông Phạm Chấn P1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số C, khóm 2, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông N, ông D, bà H1, bà H, ông P1 là ông Lâm Quốc T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số D Tái Định Cư, Khóm H, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

*** Bị đơn:**

1. Bà Quách Thị K (tên gọi khác X), sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 65/321

Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số E Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị S. sinh năm 1951. Địa chỉ: Số F Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Bà Lưu Kim H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số G, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Quách Thị K; bà Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Số 20, đường Trần Phú, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Ông Quách Hoàng N, sinh năm 1998 (có mặt)

3. Bà Ngô Huyền T, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số N, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Phạm Thành Công, sinh năm 1955 (vắng mặt)

5. Bà Lư Thị Thu Thảo, sinh năm 1971 (vắng mặt)

6. Bà Lư Thị Thu Trang, sinh năm 1972 (vắng mặt)

7. Ông Lư Thanh Tâm, sinh năm 1978 (vắng mặt)

8. Bà Lư Kim Phụng, sinh năm 1980 (vắng mặt)

9. Ông Lâm Trường Hải, sinh năm 1987 (vắng mặt)

10. Ông Lư Công Minh, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 65/324 Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà Lưu Kim Hiền, sinh năm 1972 (có mặt)

12. Chị Nguyễn Thị Kim Yến, sinh năm 1988 (có mặt)

13. Anh Trần Phú Huy, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 65/325 Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Phú Huy, chị Nguyễn Thị Kim Yến: Bà Lưu Kim Hiền, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 65/325 Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

14. Ông Lưu Bạc Hó (chết ngày 30/3/2021)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hó:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 65/325 Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Lưu Kim Hiền, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 65/325 Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Bà Lưu Kim Hiền, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 65/325 Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Bà Lưu Kim Hòa, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 65/325, Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Quách Thị K (tên gọi khác X) và bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Quốc Tính trình bày:

Nguyên đơn xác định nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Trước năm 1975 là phần đất của ông bà nội tên cụ Võ Thị Nhiều và cụ Phạm Văn Bạch tự khai phá, sau khi ông bà nội chết để lại cho cha mẹ các nguyên đơn tên ông Phạm Văn Cường (chết năm 1971) và bà Huỳnh Thị Xê (chết 1997) tiếp tục quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng bà Xê được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G788380 do UBND thị xã (nay là thành phố) Bạc Liêu cấp cho bà Huỳnh Thị Xê (còn gọi là Xê) với diện tích 320m² thuộc thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 04, đất tại PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 2001, Nhà nước thu hồi của bà Xê làm kênh hở và lộ, nên diện tích của ông Cường, bà Xê còn lại là 14,5m² và một phần đất nằm trong quy hoạch lộ giới. Các con ông Cường bà Xê có 05 người Phạm Văn N, Phạm Thị H1, Thái Văn D, Phạm Thị H1, Phạm Chấn P1.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu đối với các bị đơn: Yêu cầu bà S trả phần đất ngang 3,5m dài 1,2m, diện tích 4,70m²; yêu cầu bà T trả ngang 3,5m dài 1,2m, diện tích 4,7 m²; yêu cầu bà K trả ngang 3,5m dài 1,2m, diện tích 4,7 m² phần đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Qua kết quả đo đạc thực tế, tại phiên tòa các đồng nguyên đơn xác định:

- Nguyên đơn yêu cầu rút toàn bộ nội dung khởi kiện đòi đất đối với bị đơn bà S.

- Yêu cầu bà Quách Thị K trả diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 2,7m², thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10 (trước đây thuộc thửa 1112, tờ bản đồ số 04), đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Rút một phần nội dung khởi kiện đối với bà K phần đất diện tích 0,4m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ và diện tích 1,6m² thuộc thửa 50 tờ bản đồ. Cụ thể, theo bản vẽ lập 25/8/2016 xác định phần đất tranh chấp nguyên khởi kiện là 3,2m². Tuy nhiên đến khi đo lại tại bản vẽ lập ngày 30/12/2019 thì lại xác định đất tranh chấp ông khởi kiện đòi bà K chỉ còn 2,9m². Ông không đồng ý kết quả nào tuy nhiên ông không yêu cầu đo lại và xác định yêu cầu căn cứ kết quả đo này để giải quyết sớm vụ án, do vụ án đã bị kéo dài nhiều năm.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả diện tích đất 4,2m², thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10 (trước đây thuộc thửa 1112, tờ bản đồ số 04), đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Rút một phần nội dung khởi kiện đối với bà T phần đất diện tích 0,5m².

- Đối với phần đất còn lại theo bản vẽ đo đạc thực tế lập ngày 30/12/2019 gồm: diện tích 3,1m² này trước đây không nằm trong đơn khởi kiện ban đầu và thời điểm đo vẽ theo bản vẽ lập 25/8/2016 không có phần đất này.

** Ý kiến trình bày của bị đơn bà Phạm Thị S:* Nguồn gốc đất là của cha bà tên ông Phạm Văn Cang, đây là phần đất của ông Cang còn lại sau khi nhà nước thu hồi.

** Ý kiến trình bày của bị đơn bà Quách Thị K:*

Nguồn gốc đất tranh chấp bà đang sử dụng là của bà Chủ Đường, sau năm 1975 thì diện tích đất này thuộc quyền sử dụng, quản lý của Nhà nước chứ không phải của cá nhân nào. Phần đất này không phải của bà cũng không phải của gia đình ông N, đây là phần đất của Nhà nước khi nào Nhà nước yêu cầu trả thì bà sẽ trả. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý trả đất cho nguyên đơn, nếu nguyên đơn đồng ý không tranh chấp với bà nữa thì bà đồng ý bồi hoàn giá trị đất cho các đồng nguyên đơn 6.400.000đồng.

** Ý kiến trình bày của bà Huỳnh Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Lưu Kim H1thống nhất trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp gia đình bà đang sử dụng trước năm 1965 là của bà chủ Đường, sau năm 1975 đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước cho đến nay, không cá nhân nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào Nhà nước đòi thì trả.

Ngày 09/09/2022 bà H1là người đại diện ủy quyền của bà T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Chủ Đường. Ông bà của bà T là cụ Lưu Văn Ý và cụ Nguyễn Thị Tám (tên gọi khác Kiến) (là cha mẹ ruột của ông Hó), sử dụng, sau đó cho ông Hó và bà T; từ đó ông Hó và bà T sử dụng đến nay. Quá trình sử dụng đất thì ông Hó, bà T có kê khai tại thửa 1110 do ông Lưu Bạc Hó đứng tên đăng ký và có đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Ông Hó bà T chưa lần nào được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do ông Hó, bà T đã già, là người đang trực tiếp sử dụng đất nên ông bà cứ để sử dụng, cứ nghĩ là của mình, không tranh chấp với ai với mình nên cứ để sử dụng đến nay và không đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng phần đất tranh chấp từ mí nhà của bà T đo ra là trước đây là ông Hó nuôi gà, có đường mương thoát nước và lối đi ra ruộng là ông Hó vẫn sử dụng bình thường. Nhà ông N muốn đi ra ruộng thì ông N phải đi ngang qua nhà của bà T và bà S mới có đường để đi ra ruộng. Hiện trạng ngày xưa là đất ruộng, vũng ao, cát cầu vệ sinh bằng cây trên đìa (ao). Cái đìa là của các hộ gia đình sử dụng gồm gia đình ông N, gia đình bà T, bà K và gia đình bà S. Thời điểm bà Xệ được cấp giấy chứng nhận và ông N kê khai đăng ký quyền sử dụng thì bà T hay ông Hó không hề ký giáp ranh và hoàn toàn không

biết nên bà T không đồng ý việc xác định thửa nằm thuộc thửa của gia đình ông N. Bà H1 xác định: bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của gia đình ông N, tuy nhiên trường hợp buộc phải trả đất thì bà T có yêu trả bằng giá trị theo thỏa thuận với ông N. Trường hợp không được trả giá trị thì yêu cầu chữa lỗi thoát hiểm đường đi đo từ mí ranh tường nhà bà T đo ra hướng lộ 01m dài và hướng giáp đất bà S đo ra 1,2m chiều ngang để làm lối đi ra, phần đất còn lại đồng ý trả cho ông N.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị S trả lại phần đất 4,70m² tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T trả lại phần đất 0,5m² tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 yêu cầu bị đơn bà Quách Thị K trả lại phần đất 02m² tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 về việc yêu cầu bà Quách Thị K trả lại phần đất 2,7m² thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

4.1. Buộc bà Quách Thị K, ông Quách Hoàng N và bà Ngô Huyền T trả lại cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 phần đất có diện tích 2,7m² thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (tuyên từ cạnh kèm theo).

4.2. Buộc bà Quách Thị K, ông Quách Hoàng N và bà Ngô Huyền T tháo dỡ, di dời sân lát gạch nhám có diện tích 2,7m², mái che di động có trên phần đất nêu trên.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại phần đất 4,2m² thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Kim Hiền, bà Nguyễn Thị Kim Yến và ông Trần Phú Quý trả lại cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 phần đất có diện tích 4,2m² thuộc thửa

đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án và tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, bị đơn bà Quách Thị K, bà Nguyễn Thị T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Bà K và bà T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Quách Thị K, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Quách Thị K, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bị đơn bà Quách Thị K, bà Huỳnh Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bà K, bà T đồng ý hoàn giá trị phần đất tranh chấp cho nguyên đơn và yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất đang tranh chấp.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Quách Thị K, bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án số 158/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của bà Quách Thị K; bà Nguyễn Thị T nộp trong hạn luật định và bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí; bà K đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2.2] Tại phiên Tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, các bị đơn có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

ủy quyền, người đại diện theo ủy quyền có mặt. Và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T diện tích 0,5 m² chỉ đòi diện tích 4,2 m²; đối với bị đơn bà Quách Thị K rút diện tích 0,2 m² chỉ đòi diện tích 2,7 m². Đối với bị đơn Phạm Thị S nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

[3.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[3.2.1] Nguyên đơn xác định của ông, bà nội là cụ Phạm Văn Bạch và cụ Võ Thị Nhiều khai phá trước năm 1975 và sử dụng đến khi qua đời để lại cho cha mẹ nguyên đơn là ông Phạm Văn Cường và bà Huỳnh Thị Xê tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà Xê được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 320m² thuộc thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 2001, Nhà nước thu hồi đất của bà Xê làm kênh hở và làm lộ, nên diện tích đất của ông Cường, bà Xê còn lại là 14,5m².

[3.2.2] Bị đơn bà T, bà K xác định nguồn gốc đất là của ông chủ Đường và hiện nay là đất của Nhà nước không phải là đất của ông Cường, bà Xê là cha mẹ các nguyên đơn.

[4] Xét kháng cáo của các bị đơn yêu cầu bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên kháng cáo nhưng lại yêu cầu được trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn để được sử dụng đất.

[4.1] Căn cứ biên bản xác minh Ủy ban nhân dân PH1 H ngày 19/6/2018 về hệ thống bản đồ có nội dung: Đối với thửa đất số 50 tờ bản đồ số 03 thuộc dự án kênh hở do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh lập ngày 25/8/2016 thuộc một phần thửa 1112 tờ bản đồ 04 lập năm 1994 do bà Nguyễn Thị Xê đứng tên được UBND thị xã Bạc Liêu (nay là Thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4.2] Cũng tại biên bản xác minh ngày 06/3/2020 có nội dung: Theo hệ thống bản đồ số 25 lập năm 2017 lưu trữ tại UBND PH1 H thì thửa 1112 thuộc thửa 218 do ông Phạm Văn N đứng tên chủ sử dụng đất với diện tích kê khai là 169,9 m².

[4.3] Công Văn số 1304/PTNMT ngày 25/9/2018 của Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 788380 do UBND thị xã Bạc Liêu cấp cho bà Huỳnh Thị Xê theo Quyết định số 16/QĐUB ngày 22/3/1995 là hợp pháp.

[4.4] Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là phần đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Xê. Bà T và bà K cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Xê là không đúng, đồng thời cho rằng đất tranh chấp trước đây là của ông chủ Đường, nay là đất của Nhà nước, đó chỉ là lời trình bày, không có chứng cứ chứng minh.

[4.5] Hơn nữa, tại phiên Tòa phúc thẩm các bị đơn cũng xin được sử dụng đất và đồng ý trả giá trị đất cho nguyên đơn. Điều này cho thấy các bị đơn cũng

đã thừa nhận đất tranh chấp không phải của bị đơn. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xét xử xác định đất của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả đất cho nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu của các bị đơn xin được trả giá trị quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn. Tại phiên Tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không thống nhất nhận giá trị.

[5.1] Căn cứ hiện trạng đất tranh chấp: Đối với phần đất của gia đình bà T đang quản lý là đất trống, đất của gia đình bà K đang quản lý có phần sân lát gạch nhám và mái che di động, bà K thống nhất Tòa án giải quyết đất thuộc về ông N thì bà sẽ trả lại (theo biên bản ngày 17/11/2021).

[5.2] Xét thấy, yêu cầu của bị đơn phía nguyên đơn không đồng ý. Hơn nữa, phần đất tranh chấp nằm phía sau nhà các bị đơn, nhưng lại tiếp giáp phần đất trống không tranh chấp của gia đình nguyên đơn, gia đình nguyên đơn có nhu cầu sử dụng đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu của các bị đơn xin được trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

[6] Án phí phúc thẩm bà T thuộc trường hợp già và có đơn xin miễn án phí nên miễn cho bà T. Bà K phải chịu án phí theo quy định pháp luật. [7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Quách Thị K, bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ Khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2012 của Hội đồng thẩm phán của Tòa án tối cao ngày 13/6/2012 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị S trả lại phần đất 4,70m² tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 yêu cầu bị đơn bà

Nguyễn Thị T trả lại phần đất $0,5\text{m}^2$ tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 yêu cầu bị đơn bà Quách Thị K trả lại phần đất 02m^2 tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 về việc yêu cầu bà Quách Thị K trả lại phần đất $2,7\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

4.1. Buộc bà Quách Thị K, ông Quách Hoàng N và bà Ngô Huyền T trả lại cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 phần đất có diện tích $2,7\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp phần đất bà Huỳnh Thị Ngọc Dung có số đo là $0,35\text{m} + 0,69\text{m}$;

Hướng Tây giáp với đất ông Phạm Văn N có số đo là $0,68\text{m}$;

Hướng Nam giáp với ranh giải phóng mặt bằng và là phần đất tranh chấp nguyên đơn đã rút yêu cầu có số đo $3,16\text{m}$;

Hướng Bắc giáp phần đất bà Quách Thị K $1,43\text{m}$ và giáp phần đất tranh chấp với bà K mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện có số đo là $0,10\text{m} + 1,72\text{m}$;

Hiện trạng phần đất đang tranh chấp có sân lát gạch nhám, mái che di động phía trên, do gia đình bà K, anh Nhân và chị Trân đang quản lý sử dụng.

4.2. Buộc bà Quách Thị K, anh Quách Hoàng N và chị Ngô Huyền T tháo dỡ, di dời sân lát gạch nhám có diện tích $2,7\text{m}^2$, mái che di động có trên phần đất nêu trên.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại phần đất $4,2\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Kim Hiền, chị Nguyễn Thị Kim Yến và anh Trần Phú Huy trả lại cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 phần đất có diện tích $4,2\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại Khóm B, PH1 H, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp phần đất bà Phạm Thị H1 có số đo lần lượt là $0,56\text{m} + 0,49\text{m}$;

Hướng Tây giáp với đất bà Phạm Thị S có số đo $1,64\text{m}$;

Hướng Nam giáp ranh giải phóng mặt bằng T kênh hở có số đo là 2,99m;

Hướng Bắc giáp phần đất bà Nguyễn Thị T có số đo là lần lượt là 1,75m + 1,62m;

Hiện trạng phần đất đang tranh chấp là đất trống do gia đình bà T đang quản lý sử dụng.

6. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền là 16.662.150 đồng.

6.1 Ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 phải chịu 5.554.150 đồng

6.2 Bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.554.000đồng

6.3 Bà Quách Thị K phải chịu 5.554.000đồng

6.4 Bà Phạm Thị S không phải chịu.

6.5 Nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 đã tạm nộp số tiền 16.662.150 đồng.

6.6 Buộc Bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 số tiền 5.554.000đồng

6.7 Buộc bà Quách Thị K phải hoàn trả cho các đồng nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 số tiền 5.554.000đồng

Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên đó còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

7. Về án phí:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 không phải chịu án phí. Nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị H, ông Thái Văn D, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Chấn P1 đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005845 ngày 16/04/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, nay được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp. Bà Nguyễn Thị T và bà Quách Thị K mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

7.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

7.2.1 Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

7.2.2 Bà Quách Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007881 ngày

04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố B (01 bản);
- CCTHADS thành phố B (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều